

CÔNG TY TNHH CACAO MEKONG



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của **XUỞNG SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN**
CÁC SẢN PHẨM TỪ QUẢ CACAO TƯƠI



Châu Thành, tháng 5 năm 2023

CÔNG TY TNHH CACAO MEKONG



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của XƯỞNG SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN
CÁC SẢN PHẨM TỪ QUẢ CACAO TƯƠI

CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY TNHH
CACAO MEKONG



Nguyễn Văn Hoàng

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH
MÔI TRƯỜNG TỬ THIÊN



Lưu Chí Thiện

Châu Thành, tháng 5. năm 2023

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC BẢNG	iv
DANH MỤC HÌNH	v
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	1
1.Tên chủ cơ sở	1
2.Tên cơ sở	1
3.Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:	3
4.Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:	6
5.Các thông tin liên quan khác	7
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH,	10
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	10
1.Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	10
2.Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	10
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH,.....	13
BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	13
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	13
2.Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	15
3.Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	16
4.Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	18
5.Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	20
6.Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	20
1.Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải: Không có	22
2.Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: Không có	22
3.Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	22
Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	23

Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG	25
CỦA CƠ SỞ	25
1.Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở đầu tư	25
2.Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	25
3.Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	26
Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA	27
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	27
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	28

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

STT	Ký hiệu	Diễn giải
1	NĐ	Nghị định
2	TT	Thông tư
3	QĐ	Quyết định
4	CP	Chính phủ
5	TTg	Thủ tướng chính phủ
6	UBND	Ủy ban nhân dân
7	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
8	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
9	QCXDVN	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
10	TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
11	BTNMT	Bộ Tài nguyên - Môi trường
12	BYT	Bộ Y tế
13	QTMT	Quan trắc môi trường
14	ĐTM	Báo cáo đánh giá tác động môi trường
15	CTR	Chất thải rắn
16	CTNH	Chất thải nguy hại
17	HTXLNT	Hệ thống xử lý nước thải
18	BTCT	Bê tông cốt thép
19	CTRYT	Chất thải rắn y tế

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Tọa độ mốc ranh giới khu vực cơ sở	2
Bảng 2. Kết quả quan trắc hiện trạng môi trường không khí cơ sở	11
Bảng 3. Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở	19
Bảng 4. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn	22
Bảng 5. Giá trị giới hạn đối với độ rung	22
Bảng 6. Kết quả quan trắc hiện trạng môi trường không khí cơ sở	23
Bảng 7. Dự toán kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	26

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.	Sơ đồ vị trí của cơ sở trên bản đồ vệ tinh	2
Hình 2.	Quy trình sản xuất tại cơ sở	4
Hình 3.	Nhân viên thu mẫu không khí tại cơ sở	12
Hình 4.	Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa	13
Hình 5.	Quy trình xử lý nước thải của hầm tự hoại	14
Hình 6.	Ảnh minh hoạt một số thùng rác được bố trí tại cơ sở.....	17
Hình 7.	Hình ảnh phần chất thải từ vỏ quả cacao	18
Hình 8.	Nhân viên thu mẫu trong quá trình lập báo cáo	24

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: **CÔNG TY TNHH CACAO MEKONG**
- Địa chỉ văn phòng: Quốc lộ 60, ấp Trà Nóc, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: (ông) Huỳnh Văn Hoàng.
Chức vụ: Giám đốc.
- Điện thoại: 0982 507 607
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100632616 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp lần đầu ngày 05/01/2018.

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: **Xưởng sản xuất, chế biến các sản phẩm từ quả cacao tươi.**
- Địa điểm cơ sở: Cơ sở có địa chỉ tại Quốc lộ 60, ấp Trà Nóc, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh (thuộc thửa đất số 269, 275 cùng tờ bản đồ số 38) tọa lạc tại ấp Trà Nóc, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Tứ cận khu đất như sau:
 - + Bắc giáp với nhà dân;
 - + Nam giáp với nhà dân;
 - + Đông giáp với đất trồng;
 - + Tây giáp với Quốc lộ 60.

Vị trí hoạt động của cơ sở được thể hiện (ảnh vệ tinh) trong sơ đồ sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Xưởng sản xuất, chế biến các sản phẩm từ quả cacao tươi



Hình 1. Sơ đồ vị trí của cơ sở trên bản đồ vệ tinh

Khu vực của cơ sở được giới hạn bởi các điểm góc tọa độ như sau:

Bảng 1. Tọa độ mốc ranh giới khu vực cơ sở

Điểm góc giới hạn	Tọa độ	
	X (m)	Y (m)
M1	1092707	580102
M2	1092654	580129
M3	1092676	580172
M4	1092731	580141

- Quy mô của cơ sở:

+ Căn cứ Luật đầu tư công, Khoản 3 điều 10 và căn cứ mục III phần C Phụ lục I nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu Tư Công với vốn đầu tư của cơ sở là 2 tỷ đồng, Cơ sở được xác định thuộc Nhóm C.

+ Căn cứ mục 2, Phụ lục V nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Cơ sở nhóm III.

+ Căn cứ Khoản 2 Điều 39 và Khoản 4 Điều 41 Luật bảo vệ môi trường năm 2020 thì cơ sở thuộc đối tượng phải lập báo cáo đề xuất cấp GPMT trình Phòng tài nguyên và Môi trường xem xét và tham mưu Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy phép môi trường.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

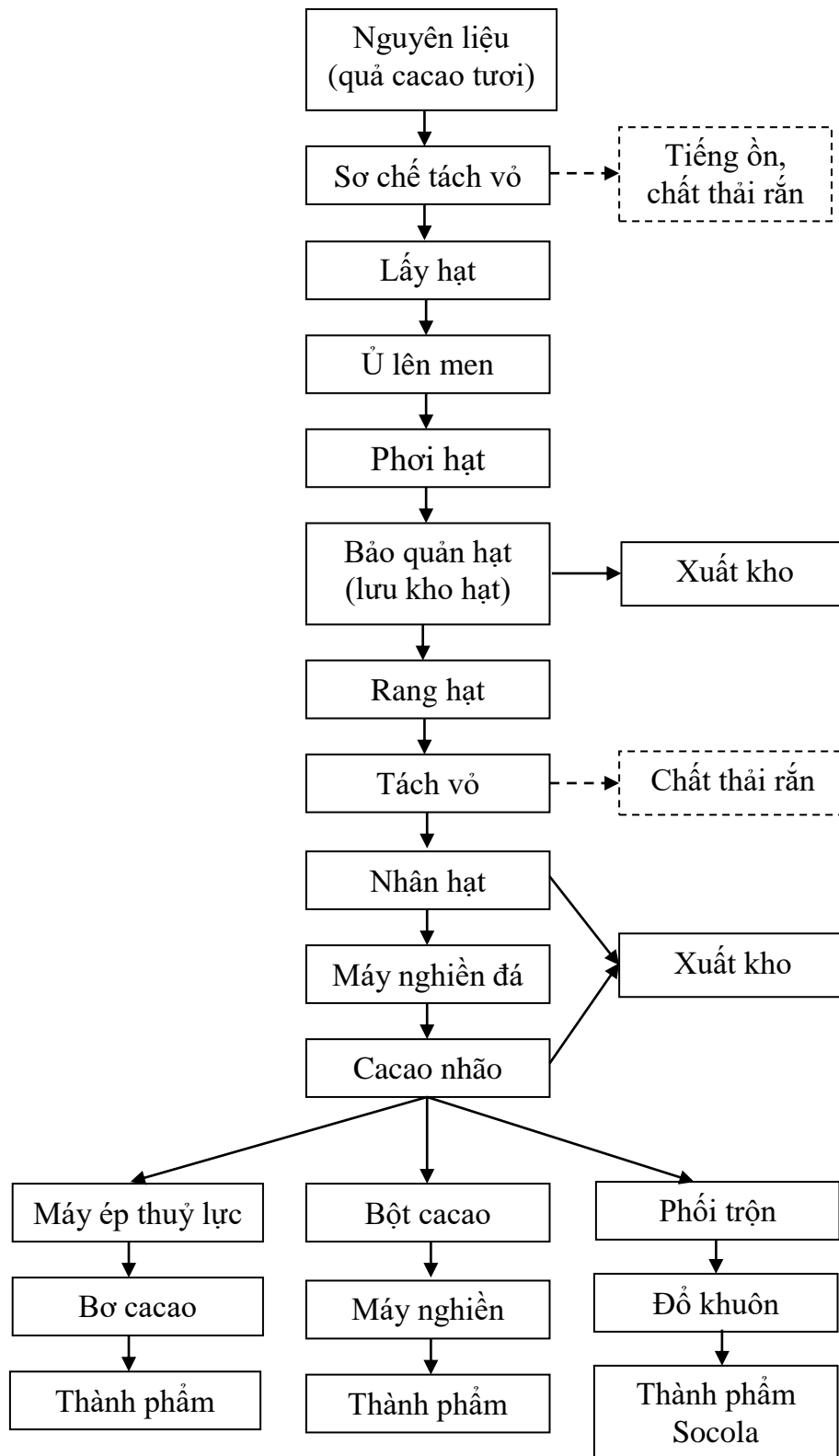
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

- Công suất hoạt động của cơ sở khoảng 1,5 tấn sản phẩm/tháng bao gồm: hạt cacao, nhân hạt cacao, cacao nhão, bơ cacao, bột cacao, socola.
- Công nhân làm việc tại cơ sở: tối đa là 08 người.
- Quy mô: cơ sở có tổng diện tích là 1.706 m² tọa lạc tại ấp Trà Nóc, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

- Quy trình hoạt động của cơ sở được thể hiện trong sơ đồ sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Xưởng sản xuất, chế biến các sản phẩm từ quả cacao tươi



Hình 2. Quy trình sản xuất tại cơ sở

Thuyết minh quy trình:

- Nguyên liệu quả cacao tươi được công ty nhập về từ các nguồn liệu trên địa bàn và các địa phương lân cận.

- Cacao sau khi được nhập về sẽ được tiến hành cho vào máy tách vỏ để loại bỏ phần vỏ quả và thu hoạch phần hạt.

- Hạt sẽ được mang đi lên men, công đoạn lên men là quá trình quan trọng đầu tiên trong việc nâng cao chất lượng hạt ca cao. Những hạt ca cao với phần thịt quả còn tươi bám vào được bỏ vào hộp hay những cái giỏ để lên men trong vòng 2-9 ngày, tùy thuộc vào độ ẩm. Vi khuẩn và men có trong không khí phân huỷ phần thịt quả tạo ra axit acetic (thành phần chính của giấm) và rồi trở thành rượu, với một số lượng nhiều như lượng rượu tạo ra từ nho. Màu của chúng chuyển từ tím sang nâu và bắt đầu có mùi socola. Mùi hương tăng còn độ đắng thì giảm và hạt chuyển sang màu nâu đỏ sẫm. Hạt cacao không lên men hoàn toàn sẽ tạo ra chất lượng thấp. Nếu quá trình lên men rượu không đạt thì sẽ tạo ra acid lactic thay vì acid acetic, tạo mùi vị xấu cho hạt cacao.

- Hạt sau khi lên men đạt yêu cầu về chất lượng sẽ được chuyển qua công đoạn phơi khô. Việc làm khô hạt cacao giúp cho hương vị đậm đà hơn do làm mất đi lượng nước trong nó. Hạt cacao thường được xếp lên khay hay những cái chiếu làm từ tre nứa và phơi nắng hay sấy bằng lửa nhỏ, hoặc bằng những ống thổi khí nóng trong phòng kín. Chúng được đảo liên tục để đảm bảo độ khô đồng đều. Quá trình này thường mất khoảng 10 tới 20 ngày, và sau đó hạt sẽ được phân loại theo kích cỡ to nhỏ khác nhau, hạt càng to càng đắt. Hạt sau khi đã được phơi khô được chuyển vào kho để bảo quản và xuất kho đến các nhà máy hoặc tiếp tục công đoạn tiếp theo của cơ sở.

- Rang hạt là quá trình chính quyết định hương vị quá trình rang làm tăng cả mùi vị cũng như hương thơm của hạt, làm chúng sậm màu hơn cũng như làm khô vỏ hạt. Nhiệt độ để rang hạt là một điều vô cùng quan trọng đòi hỏi phải theo dõi chặt chẽ bởi lẽ nếu rang quá nóng sẽ làm hỏng hương vị tự nhiên và làm chúng trở nên quá đắng, còn nếu rang chưa đủ độ sẽ làm chúng không tiết được hết hương thơm cũng như vị đắng tự nhiên của mình. Nhiệt độ trong suốt quá trình rang phải được tính toán sao cho phù hợp với từng loại hạt riêng biệt, Những loại hạt nhẹ phải được rang ở nhiệt độ thấp hơn những hạt to và nặng. Hạt dùng để cho ra thành phẩm là bột ca cao phải rang ở nhiệt độ thấp hơn hạt sẽ dùng để làm socola. Thời gian cho công đoạn này thường từ nửa giờ đến khoảng 2 giờ. Hạt được tiếp tục đem đi rang chín tiến hành tách vỏ thu được nhân hạt cacao.

- Nhân hạt sẽ được xuất kho cho các đơn vị theo yêu cầu hoặc được tiếp tục qua máy nghiền đá là một khâu khá tốn thời gian trong quy trình chế biến cacao. Sau thời gian nghiền từ trên 20h thì sẽ cho ra sản phẩm là cacao nhão

(Cacao Mas hay socola lỏng). Đây là nguyên liệu trực tiếp dùng để chế biến socola và cũng có thể làm bánh hay ăn vặt. Được cung cấp cho các đơn vị có nhu cầu cầu hoặc tiến hành các công đoạn tiếp theo.

+ Cacao nhão sẽ được cho vào máy ép thủy lực vì trong hạt cacao thì bơ cacao chiếm khoảng 40 đến 60% tùy từng loại hạt. Bơ cacao là thành phần rất quan trọng và có giá trị cao. Nó có nhiều đặc tính về nhiệt độ kết tinh khá đặc biệt, Nó cũng có rất nhiều tác dụng trong làm đẹp và chăm sóc sức khỏe. Bơ cacao khó ép tách hơn các loại bơ dầu thực vật khác, quá trình ép bơ cacao phải được tiến hành dưới nhiệt độ khoảng 60°C và áp lực khoảng 300kg/cm³. Máy ép bơ cacao cũng khá tốn kém nếu mua ngoài thị trường. Sau khi ép tách bơ cacao chúng ta có được sản phẩm là bột cacao và bơ cacao. Đây cũng là hai sản phẩm chính trong quy trình chế biến cacao.

+ Bột cacao được cho qua máy nghiền mịn để tạo ra thành phẩm bột cacao đạt chất lượng cao.

+ Cacao nhão được phối trộn với các nguyên liệu sau đó đổ vào khuôn để tạo ra thành phẩm socola.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Cơ sở cung cấp các sản phẩm với công suất khoảng 1,5 tấn sản phẩm/tháng bao gồm: hạt cacao, nhân hạt cacao, cacao nhão, bơ cacao, bột cacao, socola.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu và hóa chất

Nguyên liệu sử dụng trong hoạt động của cơ sở chủ yếu là quả cacao tươi được cơ sở thu mua trên địa bàn và các tỉnh lân cận.

4.2. Điện năng

- Nguồn cung cấp điện: Công Ty Điện Lực Trà Vinh- Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam TNHH.

- Nhu cầu sử dụng điện 2.700 kWh/tháng (số liệu thực tế trung bình của quý 1 năm 2023, nguồn: Công ty TNHH Cacao Mekong). Việc sử dụng điện phục vụ cho mục đích thắp sáng và hoạt động của các loại máy móc, thiết bị.

4.3. Nhu cầu sử dụng nước

- Nguồn cung cấp nước cho cơ sở là Công ty cổ phần cấp thoát nước Trà Vinh.

- Nhu cầu tiêu thụ nước phục vụ sinh hoạt tại cơ sở: 0,64 m³/ngày (căn cứ theo định mức tại QCVN 01:2021/BXD bình quân mỗi người sử dụng khoảng 80 lít/ngày.đêm). Số lượng công nhân làm việc tại cơ sở khoảng 08 người.

5. Các thông tin liên quan khác

Cơ sở hoạt động từ năm 2019 đến nay. Theo ghi nhận qua quá trình khảo sát sơ bộ hoạt động của cơ sở không có các vấn đề gây ô nhiễm môi trường.

Các hạng mục công trình của cơ sở

Cơ sở hoạt động trên diện tích đất 1.706 m². Trong đó, khu vực cơ sở đã hoàn thiện với kết cấu BTCT, tường gạch, mái lợp tôn, nền lót gạch men.

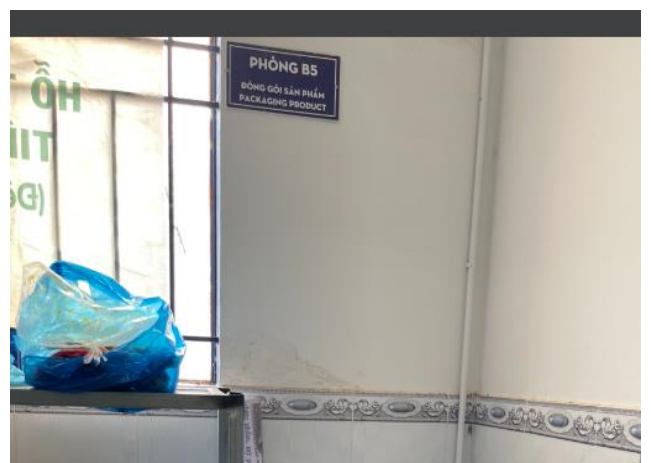
Các hạng mục công trình tại cơ sở được thể hiện qua bảng sau:

STT	Hạng mục công trình
1	Văn phòng làm việc
2	Xưởng sản xuất
3	Khu vực sơ chế sản xuất
4	Khu vực lên men
5	Khu vực phơi hạt
6	Nhà nhân viên
7	Hệ thống thu gom, thoát nước mưa
8	Nhà vệ sinh
9	Sân, đường nội bộ

(Nguồn: Công ty TNHH Cacao Mekong, năm 2023)

Một số hình ảnh về các hạng mục, công trình của cơ sở:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Xưởng sản xuất, chế biến các sản phẩm từ quả cacao tươi



Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Xưởng sản xuất, chế biến các sản phẩm từ quả cacao tươi



Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Hiện nay chưa có quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường tỉnh.

Cơ sở đã được Phòng đăng ký kinh doanh thuộc sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Trà Vinh chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2100632616, đăng ký cấp lần đầu ngày 05/01/2018.

Vị trí thực hiện cơ sở tại ấp Trà Nóc, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh (thuộc thửa đất số 269, 275 cùng tờ bản đồ số 38) thuận lợi trong giao thông vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm. Mặt khác lợi thế của huyện Châu Thành là nằm tiếp giáp với thành phố Trà Vinh, có các tuyến giao thông đường bộ và đường thủy quan trọng chạy qua, tạo thành mạng lưới khép kín giúp cho việc giao lưu kinh tế, văn hóa – xã hội với các vùng lân cận rất thuận lợi.

Cơ sở phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 theo quyết định số 1443/QĐ-TTg ngày 31/10/2018 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Cơ sở đã được xây dựng trước đó nên không có giai đoạn xây dựng, góp phần giảm thiểu một phần các tác động môi trường.

- Tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập cho người dân, cải thiện đời sống một lượng lớn nhân dân trong vùng, qua đó góp phần vào việc xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế vùng nông thôn.
- Tạo ra nguồn lợi nhuận cho cơ sở, đóng góp cho ngân sách địa phương.

Do vậy, việc thực hiện của “ Xưởng sản xuất, chế biến các sản phẩm từ quả cacao tươi” là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch cũng như chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Trà Vinh.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

2.1. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường nước

Trong quá trình hoạt động của cơ sở không phát sinh nước thải công

nghiệp và không xả thải ra môi trường nước. Do đó, hoàn toàn không gây các tác động tiêu cực và sức ép lên khả năng chịu tải của môi trường nước.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường không khí

Trong quá trình hoạt động của cơ sở không phát sinh khí thải công nghiệp. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động cơ sở có phát sinh bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông.

Nhìn chung, đây là các nguồn thải phát sinh với tần suất không liên tục, tải lượng chất ô nhiễm rất thấp, nên không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường không khí. Để đánh giá chất lượng môi trường không khí khu vực khuôn viên cơ sở và không khí khu vực cách cơ sở khoảng 100m thì Công ty TNHH Cacao Mekong đã phối hợp với đơn vị có chức năng thực hiện lấy mẫu thử nghiệm có kết quả như sau:

- Vị trí thu mẫu: Khu vực cách cơ sở khoảng 100m theo hướng gió
- Thời gian lấy mẫu: 26/4/2023
- Chỉ tiêu thử nghiệm: Bụi, tiếng ồn, SO₂, NO₂, CO

Bảng 2. Kết quả quan trắc hiện trạng môi trường không khí cơ sở

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2013/BTNMT	QCVN 26:2010/BTNMT
1	Tiếng ồn	dBA	63,6	-	70
2	Bụi	mg/m ³	0,108	0,3	-
3	SO ₂	mg/m ³	0,076	0,35	-
4	NO ₂	mg/m ³	0,057	0,2	-
5	CO	mg/m ³	6,17	30	-

Nguồn: Phiếu kết quả số 05.23.456 – 1; 05.23.456 – 2, Công ty CP phát triển và phân tích Môi trường Pacific

* Ghi chú:

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn áp dụng đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ.
- QCVN 05: 2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường
của Xưởng sản xuất, chế biến các sản phẩm từ quả cacao tươi

không khí xung quanh (trung bình 1 giờ).

* **Nhận xét:** Môi trường không khí khu vực cách cơ sở khoảng 100m có chất lượng tốt, tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.

Như vậy, tại thời điểm lập báo cáo chất lượng môi trường không khí khu vực cơ sở có chất lượng tốt, chưa có dấu hiệu ô nhiễm.

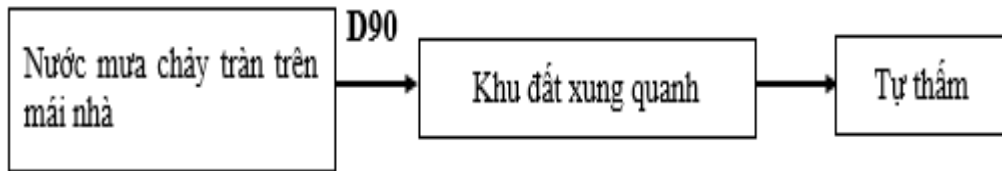


Hình 3. Nhân viên thu mẫu không khí tại cơ sở

Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom và thoát nước mưa:



Hình 4. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa

- Nước mưa chảy tràn phần mái nhà của cơ sở sẽ được thu gom bằng ống nhựa có đường kính D90 và bố trí các rãnh thoát nước xung quanh sân, đường nội bộ của cơ sở. Nước mưa sẽ được chảy tràn qua khu đất xung quanh được trồng cây xanh, thảm cỏ tự thấm trên nền đất và tự thấm.

- Thực hiện các biện pháp kiểm soát chất lượng nước mưa chảy tràn:
 - + Vệ sinh sân bãi, đường nội bộ. Tần suất thực hiện 01 lần/ngày.
 - + Các loại chất thải rắn được tập kết đúng nơi quy định để hạn chế nguồn gây ô nhiễm cho nước mưa chảy tràn.

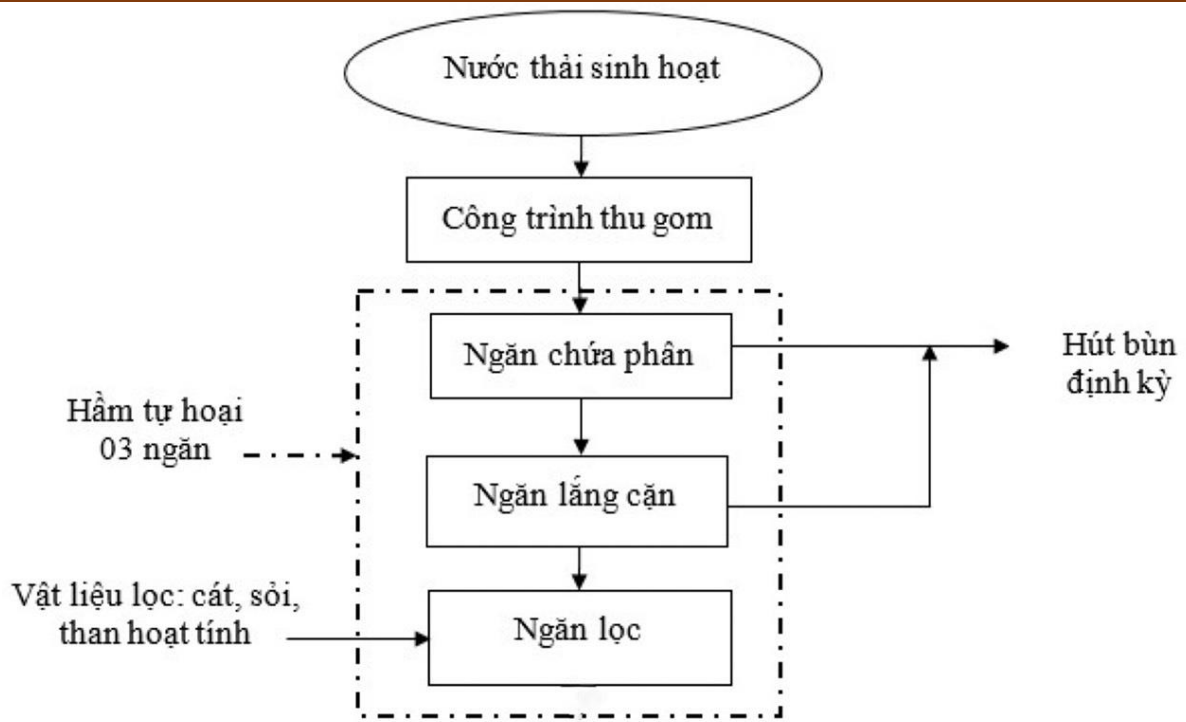
1.2. Thu gom, thoát nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực vệ sinh của nhân viên khoảng 0,512 m³/ngày.đêm được xử lý bằng hệ thống bể tự hoại 3 ngăn.

- Hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt
 - + Có 02 hầm tự hoại thể tích hầm tự hoại với thể tích hầm là 24 m³ có kích thước LxBxH: 2x4x3m, 15 m³ có kích thước LxBxH: 2x2,5x3m
 - + Đường ống ngầm PVC D110.
 - + Hố ga BTCT, đập nắp BTCT.
 - + Độ dốc của hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt 0,25%, đảm bảo hướng thoát hướng về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

1.3. Xử lý nước thải

- Trong quá trình hoạt động cơ sở không phát sinh nước thải sản xuất.
- Nước thải sinh hoạt tại cơ sở sẽ được xử lý bằng hầm tự hoại nguyên lý hoạt động theo sơ đồ sau:



Hình 5. Quy trình xử lý nước thải của hầm tự hoại

* *Thuyết minh quy trình:* Bể tự hoại là công trình đồng thời làm 02 chức năng bao gồm lắng và phân huỷ cặn lắng.

Cặn lắng được giữ lại trong bể từ 6 - 8 tháng, dưới ảnh hưởng của các sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ sẽ bị phân huỷ từ từ. Hiệu quả xử lý nước thải sinh hoạt bằng bể tự hoại đạt 60 - 65% cặn lơ lửng SS và 20 - 40% BOD. Quy trình hoạt động của bể cụ thể như sau:

+ Ngăn chứa và phân huỷ kỵ khí: Có thể tích tối thiểu chiếm $\frac{1}{2}$ tổng thể tích của hầm tự hoại, đây là ngăn tiếp nhận trực tiếp dòng thải. Thành phần, đặc tính của nước thải sinh hoạt là chứa nhiều chất hữu cơ, cặn lơ lửng hòa tan và không tan trong nước, chứa nhiều hàm lượng Nitơ và photpho tồn tại dưới các dạng hợp chất muối.

+ Do đó, tại đây dưới tác động của trọng lực phần cặn có tỷ trọng lớn được lắng xuống đáy bể và giữ lại; các thành phần ô nhiễm sẽ được xử lý bằng các loại vi sinh vật yếm khí tồn tại dưới đáy bể, chúng phân huỷ các hợp chất hữu cơ, các thành phần muối amoni thành các khí tự do, tách ra khỏi nước, làm giảm hàm lượng ô nhiễm từ 40% - 45%. Phần váng nổi tích lũy trên bề mặt cũng sẽ được tính toán và hút định kỳ cùng với lượng cặn đã phân huỷ trong bể.

+ Nước thải tiếp tục theo dòng chảy sang ngăn thứ hai ngăn lắng. Thể tích của ngăn lắng chiếm $\frac{1}{4}$ tổng thể tích của hầm tự hoại. Dòng nước thải sau khi được xử lý kỵ khí tại ngăn chứa được dẫn vào ngăn lắng nhằm loại bỏ tiếp

tục lượng chất rắn lơ lửng còn trong dòng thải và sinh ra từ quá trình phân hủy của vi sinh vật. Ở ngăn này, các chất hữu cơ trong nước thải và bùn cặn đã lắng, chủ yếu là các Hydrocacbon, đạm, béo,... được phân hủy bởi các vi khuẩn kỵ khí và các loại nấm men. Nhờ vậy, cặn lên men, bớt mùi hôi, giảm thể tích. Chất không tan chuyển thành chất tan và chất khí (chủ yếu là CH₄, CO₂, H₂S, NH₃,...).

+ Ngăn lọc: Thể tích chiếm ¼ tổng thể tích của hầm tự hoại. Tại đây, toàn bộ sinh khối cũng như cặn lơ lửng còn lại trong nước thải được loại bỏ bằng vật liệu lọc.

- Xử lý bùn thải phát sinh từ hầm tự hoại: Thực hiện thuê đơn vị có chức năng hút bùn thải hầm tự hoại và xử lý đúng quy định. Tần suất thực hiện: 01 lần/năm.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Công trình thu gom khí thải trước khi được xử lý

Quá trình hoạt động Công ty TNHH Cacao Mekong không phát sinh khí thải công nghiệp. Do đó, cơ sở không lắp đặt công trình thu gom khí thải tại cơ sở.

2.2. Công trình xử lý bụi, khí thải đã được xây dựng, lắp đặt

Quá trình hoạt động Công ty TNHH Cacao Mekong không phát sinh khí thải công nghiệp chỉ phát sinh bụi. Do đó, cơ sở không lắp đặt công trình xử lý khí thải.

Bên cạnh đó cơ sở thiết kế tường bao quanh khu vực cơ sở để hạn chế việc phát sinh bụi ra môi trường xung quanh.

2.3. Các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác

- Sân và đường nội bộ được bê tông hóa, giảm thiểu phát sinh bụi từ mặt đường khi có phương tiện di chuyển.

- Định kỳ vệ sinh sân và đường nội bộ với tần suất tối thiểu 01 lần/ngày.

- Tăng cường mật độ cây xanh và xung quanh khu vực cơ sở được xây tường bao quanh nhằm giảm thiểu phát tán bụi ra môi trường xung quanh.

- Cơ sở được thiết kế thông thoáng, trang bị đầy đủ quạt.

- Tăng cường công tác vệ sinh khu vực cơ sở và những nơi phát sinh mùi hôi, đặc biệt là khu vực nhà vệ sinh, thùng chứa CTR.

- Thực hiện đầy đủ chế độ kiểm tra, bảo trì và bảo dưỡng trang thiết bị

tại Cơ sở.

3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Công trình lưu giữ chất thải rắn

a) Chất thải rắn sinh hoạt

- Số lượng thiết bị, phương tiện thu gom và lưu chứa CTR sinh hoạt được trang bị tại cơ sở được bố trí cụ thể như sau:

+ Bố trí 01 thùng rác nhựa HDPE có thể tích 22 lít tại khu vực bồn rửa tay nơi sinh hoạt của công nhân.

+ Bố trí 01 thùng rác nhựa HDPE có thể tích 22 lít tại khu vực văn phòng.

+ Bố trí 02 thùng rác nhựa HDPE có thể tích 22 lít tại khu vực nhà vệ sinh.

+ Bố trí 01 thùng rác nhựa HDPE có thể tích 22 lít tại khu vực đường nội bộ.

+ Bố trí 01 thùng rác nhựa HDPE có thể tích 240 lít tại khu vực nhà ở của nhân viên.

- Tần suất thu gom: 01 lần/ngày.

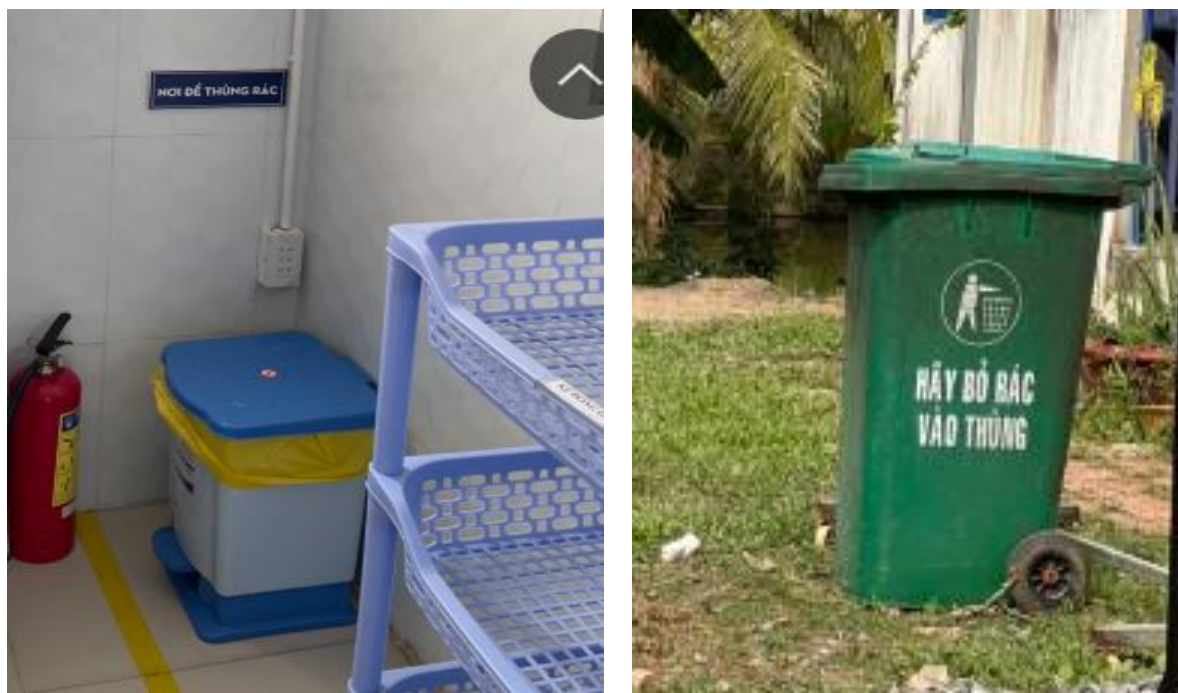
b) Chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Số lượng thiết bị, phương tiện thu gom và lưu chứa CTR công nghiệp thông thường tại cơ sở được bố trí cụ thể như sau:

+ Bố trí 02 thùng rác nhựa HDPE có thể tích 22 lít tại khu vực xưởng sản xuất.

+ Bố trí 01 thùng rác nhựa HDPE có thể tích 22 lít tại khu vực sơ chế hạt.

+ Bố trí 01 thùng rác nhựa HDPE có thể tích 22 lít tại khu vực đóng gói sản phẩm.



Hình 6. Ảnh minh họa một số thùng rác được bố trí tại cơ sở

3.2. *Chủng loại, khối lượng chất thải rắn thông thường*

a) *Chất thải rắn sinh hoạt*

Chất thải rắn sinh hoạt tại cơ sở phát sinh như: đồ ăn, thực phẩm hư hỏng,... phát sinh khoảng 5 kg/ngày.

b) *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động sản xuất của cơ sở gồm: vỏ hạt và vỏ quả cacao khoảng 600 kg/ngày (dựa vào số liệu Công ty TNHH Cacao Mekong cung cấp).

3.3. *Biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường*

a) *Chất thải sinh hoạt*

- Tại Cơ sở thực hiện phân loại và bỏ vào thùng rác được bố trí tại khu vực của cơ sở. Sau đó sẽ thu gom vào bỏ vào thùng rác phía trước cơ sở để đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

- Tuyên truyền, nâng cao ý thức của công nhân làm việc trong công tác bảo vệ môi trường, tuyệt đối không vứt rác bừa bãi trong khu vực xung quanh.

b) *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*

- Cơ sở sẽ thu gom và cho vào máy xay sau đó sẽ đem ra khu vực phía sau của cơ sở để tận dụng ủ làm phân bón cho cây trồng tại cơ sở.



Hình 7. Hình ảnh phân chất thải từ vỏ quả cacao

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

4.1. Công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Bố trí thiết bị lưu chứa CTNH:
 - + Thực hiện phân loại chất thải tại nguồn, đảm bảo lưu giữ trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa phù hợp.
 - + Bố trí 01 thùng rác nhựa có nắp đậy kín và dán mã chất thải nguy hại.
- Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường: với diện tích khoảng 02 m².
 - + Kết cấu xây dựng của khu vực lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại cụ thể như sau:
 - Nền bằng bê tông kiên cố, bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.
 - Vách tường bằng bê tông kiên cố, mái lợp tole. Đảm bảo chất thải không bị tác động bởi yếu tố thời tiết (nắng, mưa,...).
 - Bên trong có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa và loại/mã chất thải được lưu trữ.

4.2. **Chủng loại, tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh**

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở khoảng 08 kg/năm bao gồm các loại được liệt kê trong bảng sau:

Bảng 3. Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

Mã chất thải	Tên chất thải	Mã EC	Mã Basel (A)	Mã Basel (Y)	Tính chất nguy hại	Trạng thái tồn tại thông thường	Kí hiệu phân loại
16 01 06	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	20 01 21	A1030	Y29	Đ, ĐS	Rắn	NH
18 02 01	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	15 02 02	A3020 A3140 A3150	Y8 Y41 Y42	Đ, ĐS	Rắn	KS
08 02 04	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 03 17		Y12	Đ, ĐS	Rắn	KS
16 01 12	Pin, ắc quy thải	20 01 33	A1160 A1170	Y26 Y29 Y31	Đ, ĐS, AM	Rắn	NH

(Nguồn: Đơn vị tư vấn tổng hợp)

4.3. Công trình xử lý chất thải nguy hại

- Tại cơ sở thực hiện bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại.
- Khi khối lượng phát sinh nhiều cơ sở sẽ thuê đơn vị để chuyển giao chất thải nguy hại tại cơ sở, thực hiện xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

a) Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Khu vực xưởng thiết kế bằng kính cường lực, giảm thiểu tiếng ồn lan truyền từ Cơ sở ra khu vực xung quanh.
- Đảm bảo thời gian hoạt động trong khoảng từ 07 giờ đến 11 giờ và từ 13 giờ đến 17 giờ hàng ngày.
- Các máy móc hoạt động tại cơ sở phải đảm bảo đạt các yêu cầu kiểm định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường
- Sử dụng các thiết bị có công nghệ tiên tiến, hiện đại nhằm đảm bảo được chất lượng sản phẩm và giảm thiểu được tối đa phát sinh các tác động đến môi trường, đặc biệt là tiếng ồn.

b) Quy chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung

- Đối với tiếng ồn: áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ);
- Đối với độ rung: áp dụng QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ).

6. Phương pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Bố trí 15 bình chữa cháy và hệ thống báo cháy tại khu vực xưởng của cơ sở theo đúng quy định của Luật PCCC, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật PCCC, Nghị định số 136/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ, Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an, Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an.
- Các phương tiện PCCC luôn được kiểm tra thường xuyên, định kỳ và trong tình trạng sẵn sàng ứng phó sự cố.
- Đường nội bộ đảm bảo thông suốt cho phương tiện chữa cháy thao tác, đảm bảo các tia nước từ xe cứu hỏa có thể khống chế được nguồn lửa phát sinh

ở bất kỳ vị trí nào trong Cơ sở.

- Phối hợp với cơ quan có chức năng khi phát sinh sự cố cháy nổ, để được hướng dẫn kịp thời các biện pháp ứng phó và khắc phục sự cố.

- Tuyên truyền, nâng cao ý thức của nhân viên trong công tác phòng cháy chữa cháy.

b) Tai nạn lao động

✓ Biện pháp phòng ngừa

- Đề ra các nội quy an toàn lao động, hướng dẫn cụ thể về vận hành an toàn máy móc, thiết bị, đồng thời kiểm tra chặt chẽ và có biện pháp xử lý đối với các cá nhân, tổ nhóm vi phạm.

- Cấm sử dụng điện thoại di động, làm việc riêng trong giờ làm việc;

- Đào tạo, huấn luyện các kỹ năng làm việc cho người mới được tuyển dụng;

- Tuyên truyền và nâng cao nhận thức về an toàn lao động cho người lao động;

✓ Biện pháp ứng phó

Khi sự cố xảy ra tùy theo mức độ của tai nạn mà thực hiện các biện pháp ứng phó khác nhau nhưng về cơ bản qua các bước như sau:

- Khi phát hiện sự cố người phát hiện cần nhận biết được mức độ nguy hiểm của tai nạn và thông báo cho ban quản lý, thực hiện thao tác cứu chữa người bị tai nạn.

- Có chấn thương không nguy hiểm đến tính mạng: Sơ cứu tại chỗ nhanh chóng chuyển đến cơ sở y tế gần nhất. Tai nạn nghiêm trọng sơ cứu tại chỗ, gọi cấp cứu theo số 115 và làm theo hướng dẫn của y tế. Nếu huy động được phương tiện, nhanh chóng chuyển đến cơ sở để cấp cứu.

Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải: Không có

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: Không có

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh tiếng ồn và độ rung: Phát sinh từ quá trình hoạt động của thiết bị máy móc tại cơ sở và phương tiện lưu thông trong khu vực cơ sở.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và độ rung:

+ Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

Bảng 4. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn

STT	Thời gian áp dụng trong ngày (khu vực thông thường)	Giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT (dBA)
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70

+ Giá trị giới hạn đối với độ rung: QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Bảng 5. Giá trị giới hạn đối với độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày (khu vực thông thường)	Giới hạn cho phép theo QCVN 27:2010/BTNMT (Mức gia tốc rung cho phép, dB)
1	Từ 6 giờ đến 21 giờ	70

Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Công Ty TNHH Cacao Mekong phối hợp với Công ty TNHH Môi trường Từ Thiện (đơn vị tư vấn) và Công ty CP Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC thực hiện quan trắc chất lượng môi trường không khí cụ thể như sau:

- Vị trí lấy mẫu:
- + Khu vực viên cơ sở (KK1)
- + Khu vực cách cơ sở khoảng 100m (KK2)
- Ngày lấy mẫu: 26/4/2023
- Chỉ tiêu thử nghiệm: Bụi, tiếng ồn, SO₂, NO₂, CO
- Đơn vị thực hiện lấy mẫu: Công ty CP Phát triển và Phân tích môi trường PACIFIC

+ Địa chỉ: số 115, đường 5C, KDC Vĩnh Lộc, khu phố 4, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

+ Quyết định số 1224/QĐ-BTNMT ngày 08/6/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường v/v chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Kết quả quan trắc môi trường trong quá trình lập báo cáo của cơ sở cụ thể như sau:

Bảng 6. Kết quả quan trắc hiện trạng môi trường không khí cơ sở

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 05:2013/BTNMT	QCVN 26:2010/BTNMT
			KK1	KK2		
1	Tiếng ồn	dBA	61,5	63,6	-	70
2	Bụi	mg/m ³	0,126	0,108	0,3	-
3	SO ₂	mg/m ³	0,072	0,076	0,35	-
4	NO ₂	mg/m ³	0,055	0,057	0,2	-
5	CO	mg/m ³	5,92	6,17	30	-

Nguồn: Nguồn: Phiếu kết quả số 05.23.456 – 1; 05.23.456 – 2, Công ty CP phát triển và phân tích Môi trường Pacific

*** Ghi chú:**

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn áp dụng đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ.

- QCVN 05: 2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (trung bình 1 giờ).

* **Nhận xét:** Môi trường không khí khu vực khuôn viên cơ sở và không khí khu vực cách cơ sở khoảng 100m có chất lượng tốt, tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT.



Hình 8. Nhân viên thu mẫu trong quá trình lập báo cáo

Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở đầu tư

Công trình xử lý chất thải xây dựng tại cơ sở chỉ có hầm tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt có phát sinh nước thải rất ít và được xử lý bằng hầm tự hoại, thuê hút hầm định kỳ không xả nước thải ra môi trường do đó cơ sở không phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Trong quá trình hoạt động của Công ty TNHH Cacao Mekong không phát sinh khí thải công nghiệp và nước thải công nghiệp, nên không thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ theo quy định của pháp luật.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục

Căn cứ Phụ lục XXVIII ban hành kèm theo nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ, cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này có mức lưu lượng xả nước thải thấp hơn $500\text{m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ) cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ và sẽ không phải lập chương trình quan trắc nước thải định kỳ.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ theo đề xuất của chủ cơ sở

Thực hiện quan trắc môi trường không khí của Công ty TNHH Cacao Mekong, cụ thể như sau:

- Vị trí quan trắc:
- + Khu vực viên cơ sở (KK1)
- + Khu vực cách cơ sở khoảng 100m theo hướng gió (KK2)
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi lơ lửng, SO_2 , NO_2 , CO
- Quy chuẩn so sánh:
- + QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Căn cứ theo chương trình quan trắc của Công ty TNHH Cacao Mekong và đơn giá được áp dụng theo Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND ngày 19/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành Bảng giá các thông số quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm tại cơ sở được dự toán cụ thể như sau:

Bảng 7. Dự toán kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

STT	Tên thông số	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Thu mẫu không khí				
1	Tiếng ồn	Mẫu	4	127.110	508.440
2	Bụi	Mẫu	4	262.620	1.050.480
3	NO ₂	Mẫu	4	440.948	1.763.792
4	SO ₂	Mẫu	4	895.978	3.583.912
5	CO	Mẫu	4	563.880	2.255.520
II	Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm				6.000.000
<i>Tổng cộng</i>					<i>15.162.144</i>

**Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Trong 02 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo đến nay, Công ty TNHH Cacao Mekong chưa tiếp đoàn kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường.

Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

- Công ty TNHH Cacao Mekong cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường cho cơ sở.
- Công ty TNHH Cacao Mekong cam kết xử lý các loại chất thải phát sinh tại cơ sở đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể như sau:
 - + Đối với nước thải sinh hoạt: Được xử lý bằng hầm tự hoại và thuê đơn vị hút hầm định kỳ.
 - + Đối với nước mưa chảy tràn: Thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm soát, đảm bảo nước mưa không bị ô nhiễm và xả thải trực tiếp ra môi trường.
 - + Đối với chất thải rắn (chất thải thông thường và chất thải nguy hại): Thực hiện đầy đủ các biện pháp quản lý chất thải tại nguồn, thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định. Đảm bảo công tác quản lý và xử lý chất thải rắn đúng theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
 - + Đối với các nguồn phát sinh tiếng ồn và độ rung: Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn và độ rung.
 - Đối với tiếng ồn: áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ);
 - Đối với độ rung: áp dụng QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (đối với khu vực thông thường từ 06 giờ đến 21 giờ).
 - + Đối với chương trình quan trắc môi trường đã đề xuất: Thực hiện đầy đủ chương trình quan trắc môi trường và có chế độ báo cáo về cơ quan quản lý theo đúng quy định.

PHỤ LỤC

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH TRÀ VINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 2100632616

Đăng ký lần đầu: ngày 05 tháng 01 năm 2018

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CACAO MEKONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CACAO MEKONG CO.,LTD

Tên công ty viết tắt: CACAO MEKONG

2. Địa chỉ trụ sở chính

Quốc lộ 60, ấp Trà Nóc, Xã Song Lộc, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Điện thoại: 0982507607

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ 2.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Hai tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: HUỖNH VĂN HOÀNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 26/11/1975 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 300799224

Ngày cấp: 16/01/2018 Nơi cấp: Công an tỉnh Long An

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 5/11, Khu phố 9, đường Phan Văn Mãng, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 5/11 Khu phố 9, đường Phan Văn Mãng, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: HUỖNH VĂN HOÀNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/11/1975

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 300799224

Ngày cấp: 16/01/2018

Nơi cấp: Công an Long An

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 5/11 Khu Phố 9, đường Phan Văn Mãng, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 5/11 Khu phố 9, đường Phan Văn Mãng, Thị Trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Hoàng Đệ



Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số 3922134 ngày 02/6/2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Châu Thành.

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

08/6/2022
CHIEU MINH VONKHO
HUYỆN CHAU THANH

GIAM ĐỐC



Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bỏ
sung bãi kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư
hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: HUỖNH VĂN HOÀNG

Năm sinh: 1975, CMND số: 300799224

Địa chỉ thường trú: Số 5/11 đường Phan Văn Màng, khu phố 9, thị trấn Bến Lức,
huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

CN 003258

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: **275**, tờ bản đồ số: **38**
 - b) Địa chỉ: ấp Trà Nóc, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
 - c) Diện tích: 1177m², (bằng chữ: Một nghìn một trăm bảy mươi bảy mét vuông)
 - d) Hình thức sử dụng: Sử dụng rừng
 - đ) Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm
 - e) Thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 26/12/2065
 - g) Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất
2. Nhà ở: /-
3. Công trình xây dựng khác: /-
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: /-
5. Cây lâu năm: /-
6. Ghi chú: Không

Trà Vinh, ngày 22 tháng 05, năm 2018
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH

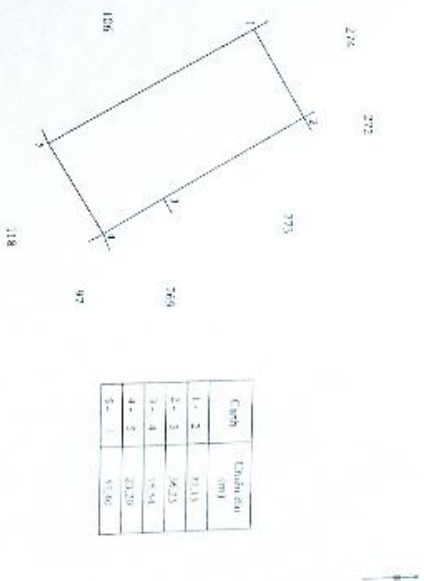
K.T. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC




Souong Van Thuy

Số vào sổ cấp GCN: CS06376

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng cây lâu năm thành đất ở tại nông thôn, diện tích 1177m ² , theo Quyết định số 1693/QĐ-UBND ngày 18/6/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, nợ tiền sử dụng đất 245.540.000 đồng (hai trăm bốn mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng), theo Thông báo số: L.TB1881705-TK0009365/TB-CCT 26/6/2018 của Chi cục thuế huyện Châu Thành, hồ sơ số 067677.CM.001	 <p>K.T. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC</p> <p><i>Phan Văn Đức</i></p>

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng cây lâu năm thành đất ở tại nông thôn, diện tích 529m², theo Quyết định số 3797/QĐ-UBND ngày 15/8/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, nợ tiền sử dụng đất 74.060.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng), theo Thông báo số: 1.TB188170/TK001/2454/TB-CCT ngày 20/8/2018 của Chi cục thuế huyện Châu Thành, hồ sơ số 067191.CM1.003,

Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số 3922058 ngày 02/6/2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Châu Thành.

IS1/S/PHAN ĐỐC
PHAM THAI ĐỐC



Phạm Thái Đốc

Phạm Thái Đốc

08/6/2022

CHI NHANH VPKDD
HUYỆN CHAU THANH

GIAM ĐỐC



Phạm Văn Thích

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận, khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC Gắn LIÊN VỚI ĐẤT

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông: **HUYỀN VÂN HOÀNG**

Năm sinh: 1975, CMND số: 300799224

Địa chỉ thường trú: Số 5/11 đường Phạm Văn Mãng, Khu phố 9, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

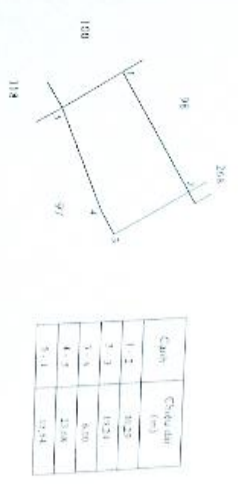
CH 156074

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 269, tờ bản đồ số: 38
 - b) Địa chỉ: ấp Trà Nóc, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
 - c) Diện tích: 529m² (bằng chữ: Năm trăm hai mươi chín mét vuông)
 - d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
 - e) Mục đích sử dụng: Đất chôn rống lúa nước
 - f) Thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 15/02/2067
 - g) Nguồn gốc sử dụng: Nhận chuyển nhượng đất được Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất
2. Nhà ở: -/-
3. Công trình xây dựng khác: -/-
4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-
5. Cây lâu năm: -/-
6. Ghi chú: Không.

III. Sơ đồ thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Trà Vinh, ngày 02 tháng 02 năm 2018

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TRÀ VINH



Soukang Van Xon

Số vào sổ cấp GCN: CS06058

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Chuyển mục đích sử dụng từ đất chuyển rống lúa nước thành đất trồng cây lâu năm, diện tích 529m ² , theo Quyết định số 942/QĐ-UBND, ngày 26/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, hồ sơ số 067/191.CM1.007/TC	28.3.2018 GIAM ĐỐC <i>Đào Văn Nguyệt</i>



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 10/05/2023

Số: 05.23.456-1

- Khách hàng: **CÔNG TY TNHH CACAO MEKONG**
- Địa điểm lấy mẫu: Quốc lộ 60, ấp Trà Nóc, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
- Ngày lấy mẫu/
nhận mẫu: 26/04/2023 Ngày trả kết quả: 10/05/2023
- Loại mẫu: Vi khí hậu Số lượng: 02
- Thông tin mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
2604.CCM.KK01	Khu vực khuôn viên cơ sở
2604.CCM.KK02	Khu vực cách cơ sở khoảng 100 m theo hướng gió

- Phương pháp quan trắc:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp quan trắc
1.	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878 – 2:2018

- Kết quả:

Kết quả	Thông số
	Tiếng ồn (dBA)
2604.CCM.KK01	61,5
2604.CCM.KK02	63,6
QCVN 26:2010/BTNMT	<70

Ghi chú: – Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.

- (*) : Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.
- (**) : Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimcert.
- (a) : Thông số không được BTNMT công nhận, không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.
- (b) : Nền mẫu không được BTNMT công nhận, nền mẫu không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.
- Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).
- KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).

Phòng Thử Nghiệm

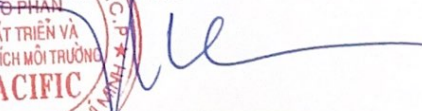


Võ Văn Khoa



KT Giám đốc

P. Giám đốc



Trần Thanh Tùng

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ngày: 10/05/2023

Số: 05.23.456-2

- Khách hàng: **CÔNG TY TNHH CACAO MEKONG**
- Địa điểm lấy mẫu: Quốc lộ 60, ấp Trà Nóc, xã Song Lộc, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
- Ngày lấy mẫu/ nhận mẫu: 26/04/2023 Ngày trả kết quả: 10/05/2023
- Loại mẫu: Không khí Số lượng: 02
- Thông tin mẫu:

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
2604.CCM.KK01	Khu vực khuôn viên cơ sở
2604.CCM.KK02	Khu vực cách cơ sở khoảng 100 m theo hướng gió

- Phương pháp lấy mẫu/thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy mẫu/thử nghiệm
1.	Bụi	mg/m ³	TCVN 5067:1995
2.	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995
3.	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009
4.	CO	mg/m ³	HD – CO

- Kết quả:

Kết quả	Thông số			
	Bụi	SO ₂	NO ₂	CO
	(mg/m ³)			
2604.CCM.KK01	0,126	0,072	0,055	5,92
2604.CCM.KK02	0,108	0,076	0,057	6,17
QCVN 05:2013/BTNMT	0,3	0,35	0,2	30

Ghi chú: – Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử & tại thời điểm quan trắc/lấy mẫu.

- (*): Thông số được chứng nhận ISO/IEC 17025:2017.
- (**): Kết quả nhà thầu phụ được chứng nhận Vimecert.
- (a): Thông số không được BTNMT công nhận, không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.
- (b): Nền mẫu không được BTNMT công nhận, nền mẫu không được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường, thử nghiệm theo yêu cầu khách hàng, chỉ mang tính chất tham khảo.
- Thời gian lưu mẫu: 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (không lưu đối với khí thải và không khí).
- KPH: Không phát hiện (<MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp).

Phòng Thử Nghiệm

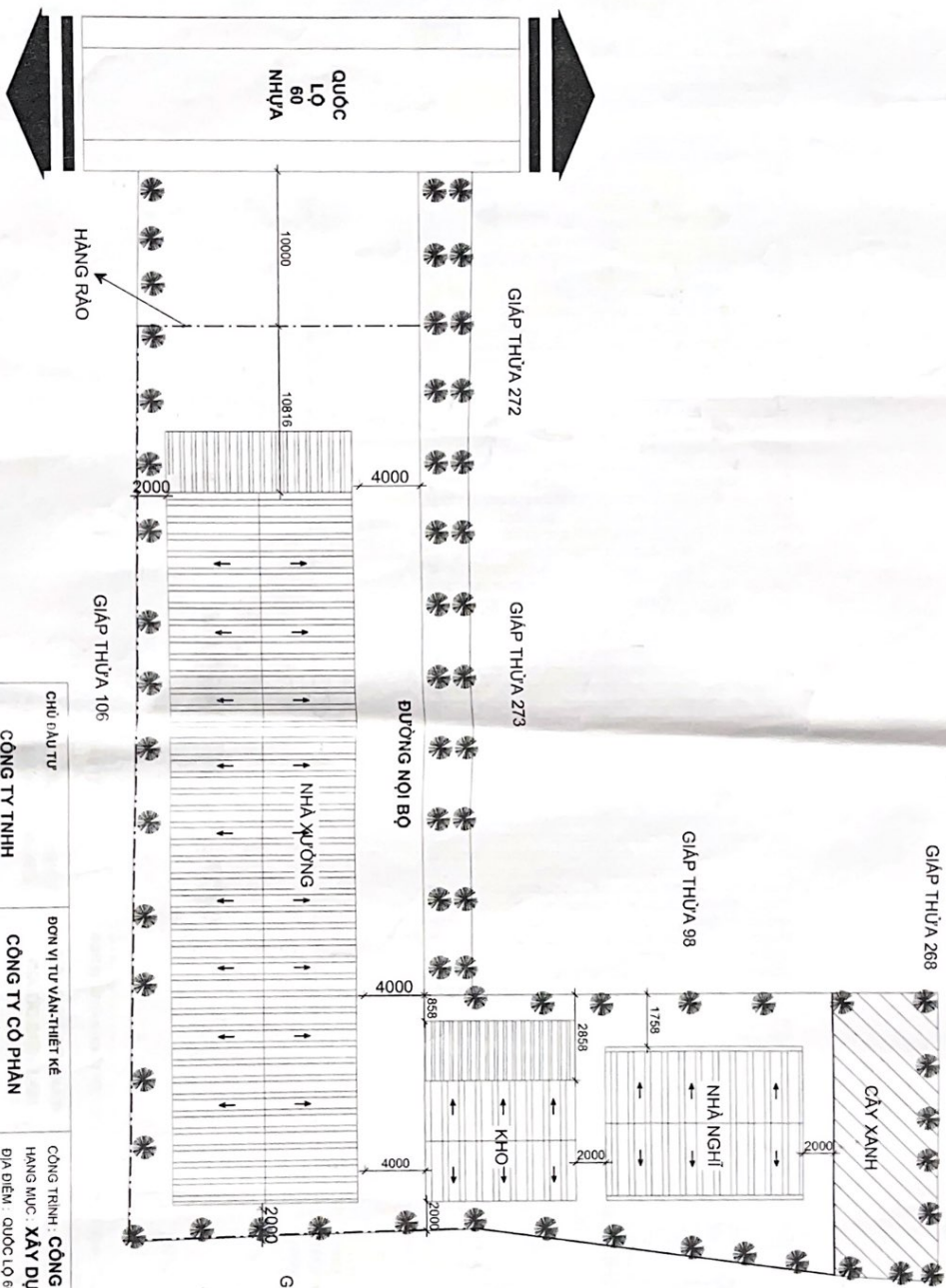


Võ Văn Khoa

KT Giám đốc
P. Giám đốc



Trần Thanh Tùng

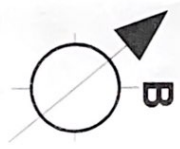


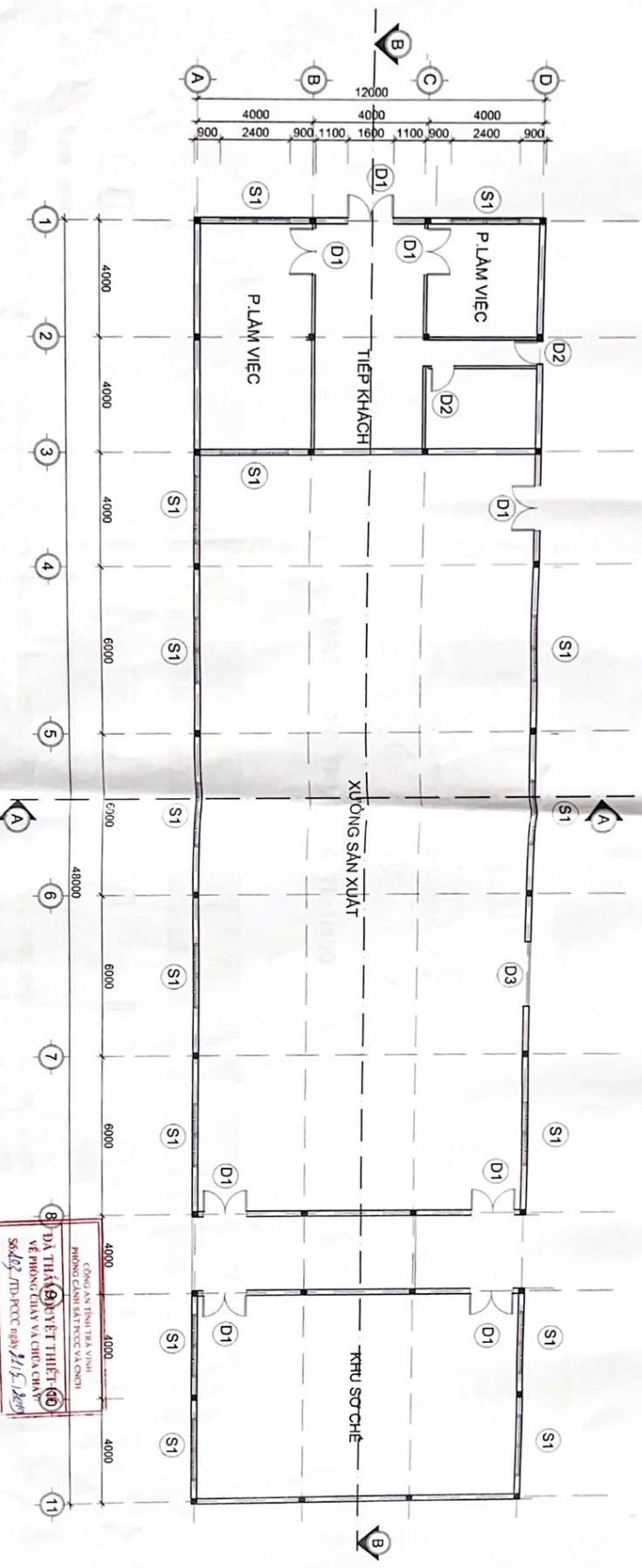
MẶT BẰNG TỔNG THỂ TL 1-200

CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH CACAO MEKONG	ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐIỆN LAM	CÔNG TRÌNH: CÔNG TY TNHH CACAO MEKONG HÀNG MỤC: XÂY DỰNG MÔI NHÀ XƯỞNG ĐỊA ĐIỂM: QUỐC LỘ 60, ẤP TRÀ NÓC, XÃ SÔNG LỘC, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH, VIỆT NAM TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG TỔNG THỂ TL 1/200	
GIÁM ĐỐC:  	GIÁM ĐỐC:  	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ 	THẺ HIỆN 

CÔNG AN TỈNH TRÀ VINH
 PHÒNG Cảnh Sát PCCC VÀ CHỨNG
 ĐÁNH GIÁ AN TOÀN
 ĐÃ THẨM DUYỆT THIẾT KẾ
 VẼ PHÒNG CHÁI VÀ CHỨNG CHÁI
 SỐ: 452/TPĐPCCC ngày 21/5/2017

CBTD: Tiến Thanh Quang





MẶT BẰNG CÔNG TRÌNH - T.L:1/100

CRTD: Tiến Thanh Quang

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG AN THỊ TRẤN VINH PHƯƠNG CÁN SẮT PCCC VÀ CHỮC SẮC SẮC TMD-PCCC ngày 21/5/2023

**BẢNG THÔNG KÊ CỬA
XUỐNG SẢN XUẤT-VĂN PHÒNG**

TÊN	KI HIỆU	KÍCH THƯỚC CAO	RỘNG	SỐ LƯỢNG
CỬA ĐI 2 CÀNH	D1	2200	1600	8 BÓ
CỬA ĐI 1 CÀNH	D2	2200	800	2 BÓ
CỬA ĐI CUỐN	D3	2200	2400	1 BÓ
CỬA SỐ	S1	1200	2400	17 BÓ

CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH CÀCAO MEKONG GIÁM ĐỐC: 	ĐƠN VỊ TƯ VẤN-THIẾT KẾ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC ĐIỆN LAM GIÁM ĐỐC: 	CÔNG TRÌNH: CÔNG TY TNHH CÀCAO MEKONG HÀNG MỤC: XÂY DỰNG MỚI NHÀ XUỐNG ĐỊA ĐIỂM: QUỐC LỘ 66, ẤP TRÀ MỘC, XÃ SÔNG LỘC, HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH, VIỆT NAM TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG CÔNG TRÌNH	CHỦ TRÌ THIẾT KẾ: THỂ HIỆN:
---	---	---	--------------------------------